

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2024/HS-ST
Ngày: 27-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Thạm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Liễu và bà Lê Thị Út Tím.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Thế Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử vụ án hình sự sơ thẩm số 56/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Da D, sinh ngày 29/3/2000. Nơi sinh: huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972; chỉ ruột: 01 người, sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Chưa.

Ngày 10/3/2023, thực hiện hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị bắt quả tang và bị tạm giữ. Ngày 17/3/2023, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố R khởi tố, tạm giam. Đến ngày 01/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố R ra Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn số 08 cho bị cáo được tại ngoại tại ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. *Bị cáo có mặt tại tòa.*

*** Người chứng kiến:**

1. Phạm Hoàng L, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2. Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 27/18 đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 01 giờ 05 phút, ngày 10/3/2023, trước phòng số 2 nhà trọ số 217/11/15 đường N, phường V, thành phố R. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R kết hợp Công an phường V bắt quả tang Trần Da D tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ 01 (một) gói giấy màu trắng, bên trong gói giấy có chứa 03 (ba) viên nén màu xám và 01 (một) bịch nylon trong suốt có rãnh gài viên màu đỏ bên trong có chứa các hạt chất rắn, màu trắng, không đồng nhất nghi là chất ma túy; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 353503755643281; 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 68C1 – 090.19.

Quá trình điều tra đã xác định, Trần Da D bắt đầu sử dụng ma túy từ cuối năm 2022, nguồn ma túy D sử dụng là của bạn bè cho. Khoảng 23 giờ, ngày 09/3/2023 do có nhu cầu sử dụng ma túy D gọi điện thoại di động hiệu Iphone của D cho người tên Hồng (không rõ nhân thân lai lịch) hỏi mua 03 viên ma túy loại thuốc lắc với tổng số tiền là 450.000 đồng (150.000 đồng/01 viên) và 01 bịch ma túy loại khay giá 250.000 đồng, tổng cộng 700.000 đồng, Hồng hẹn D giao ma túy trên đường P giao nhau với đường T, phường V, thành phố R.

Sau đó, D đến nhà trọ không số trên đường N, phường V, thành phố R gặp người bạn tên Nguyễn Ánh Ngọc, D nói với Ngọc là xe máy của D bị hư và hỏi mượn xe của Ngọc thì Ngọc đồng ý và cho D mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, màu sơn xám, biển kiểm soát 68C1 – 090.19 (Ngọc không biết D mượn xe đi mua ma túy). Đến 01 giờ 05 phút, ngày 10/3/2023, D điều khiển xe mô tô chạy đến đường P giao nhau với đường T thì gặp được Hồng, Hồng giao 03 viên ma túy loại thuốc lắc và 01 bịch ma túy loại khay với tổng số tiền là 700.000 đồng cho D. D điều khiển xe đi tìm nơi để sử dụng. Khi chạy đến hẻm 217 đường N, phường V, thành phố R thì D phát hiện có người theo dõi nên liền chạy xe vào hẻm và đến phòng trọ số 2 nhà trọ số 217/11/15 đường N, phường V rồi cất giấu số ma túy vào vách tường cạnh ống thoát nước thì bị bắt quả tang cùng vật chứng.

* Việc thu giữ vật chứng trong vụ án:

- 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH, màu sơn xám, biển kiểm soát 68C1-090.19, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số imel: 353503755643281, đã qua sử dụng.

- 01 (một) gói giấy màu trắng, bên trong gói giấy chứa 03 (ba) viên nén màu xám và 01 (một) bịch nylon trong suốt có rãnh gài viên màu đỏ bên trong có chứa các hạt chất rắn, màu trắng, không đồng nhất. Tất cả được niêm phong trong phong bì màu trắng có chữ ký xác nhận của người bị bắt Trần Da D, Điều tra viên Võ Thị Thủy Tiên, người chứng kiến Nguyễn Hoàng Phi, Phan Hoàng Long và dấu mộc đỏ của Công an phường V Công an thành phố R.

* Tại Kết luận giám định số: 252/KL – KTHS, ngày 14/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang, kết luận như sau:

- 03 (ba) viên nén màu xám chứa bên trong 01 (một) gói giấy được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine và MDMA. Khối lượng mẫu gửi giám định là 1,1996 gam.

- Các hạt chất rắn màu trắng, không đồng nhất chứa bên trong 01 (một) bịch nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Ketamine. Khối lượng mẫu gửi giám định là 1,4238 gram.

MDMA là chất ma túy nằm trong danh mục IB, STT 11, Nghị định 57/2022/NĐ-CP, ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục IIC, STT 247, Nghị định 57/2022/NĐ-CP, ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

Ketamine là chất ma túy nằm trong danh mục III, STT 40, Nghị định 57/2022/NĐ-CP, ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

* *Bản Cáo trạng số 149/CT-VKSRG* ngày 14/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo **Trần Da D** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

* *Tại phiên tòa:*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Da D** mức án **từ 12 (mười hai) tháng tù đến 18 (mười tám) tháng tù**. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố R đã trả lại cho Nguyễn Ánh Ngọc 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH, màu sơn xám, biển kiểm soát 68C1 – 090.19. Theo Quyết định xử lý vật chứng số 38/QĐ-MT ngày 28/4/2023 nên không đề nghị HĐXX xem xét.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong mẫu vật có ký hiệu vụ số 252/2023, có chữ ký của giám định viên Thái Thị Thanh Thủy, người chứng kiến niêm phong Nguyễn Giang Trường và hình dấu tròn của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang.

Theo Lệnh nhập kho số 124, ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R.

- Đề nghị tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số imel: 353503755643281, đã qua sử dụng.

Theo Lệnh nhập kho số 124, ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R.

- Bị cáo **Trần Da D** đã khai nhận hành vi phạm tội như đã Cáo trạng nêu trên. Sau khi nghe Kiểm sát viên luận tội, bị cáo đồng ý với quan điểm truy tố và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo. Bị cáo thống nhất với Kết luận giám định số 252/KL-KTHS ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang. Tại phần nói lời sau cùng, bị cáo đã nhận thức rõ hành vi sai trái của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an thành phố R, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa hôm nay bị cáo **Trần Da D** đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Vào khoảng 23 ngày 09/3/2023, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên Trần Da D gọi điện thoại di động hiệu Iphone của D cho người tên Hồng (không rõ nhân thân lai lịch) hỏi mua 03 viên ma túy loại thuốc lắc và 01 bịch ma túy loại khay với tổng số tiền là 700.000 đồng, Hồng hẹn D giao ma túy trên đường P giao nhau với đường T, phường V, thành phố R. D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, màu sơn xám biển kiểm soát 68C1 – 090.19 đến gặp Hồng thì Hồng giao ma túy cho D.

Đến 01 giờ 05 phút, ngày 10/3/2023, D đi tìm nơi sử dụng, khi chạy đến hẻm 217 đường N, phường V, thành phố R thì phát hiện có người theo dõi nên D chạy xe vào hẻm và đến phòng trọ số 2 nhà trọ số 217/11/15 đường N, phường V rồi cất giấu số ma túy vào vách tường cạnh ống thoát nước thì bị bắt quả tang cùng vật chứng. Thu giữ 03 viên ma túy (qua giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine và MDMA có khối lượng là 1,1996 gam) và 01 bịch ma túy (qua giám định là chất ma túy, loại Ketamine có khối lượng là 1,4238 gam).

Từ những chứng cứ đã nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo **Trần Da D** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự như đã viện dẫn nêu trên.

[3] Xét về tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo ý thức được việc sử dụng và tàng trữ trái phép chất ma túy là

hành vi vi phạm pháp luật, bất kỳ ai vi phạm đều bị xử lý nghiêm. Hành vi phạm tội của bị cáo **Trần Da D** là rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất về ma túy. Bản thân bị cáo có đủ năng lực biết rất rõ tác hại của ma túy ảnh hưởng như thế nào đối với sức khỏe, tinh thần của con người và cũng là tiền đề tạo ra nhiều tệ nạn xấu, đặc biệt là dễ dẫn đến nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác làm mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến bản thân bị cáo nói riêng và cộng đồng xã hội nói chung. Vì vậy Nhà nước luôn chú trọng việc đấu tranh phòng ngừa và xử lý nghiêm đối với loại tội phạm này. Do đó, cần xử bị cáo một mức hình phạt tương xứng đối với tội trạng của bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, cũng đồng thời ngăn ngừa chung loại tội phạm này trong xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo **Trần Da D** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, người thân là ông bà của bị cáo là người có công với cách mạng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn; đồng thời bị cáo cũng không đảm nhiệm chức vụ, không hành nghề cũng như không làm công việc gì nhất định. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[7] Về Xử lý vật chứng, áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Xét việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố R đã trả lại 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH, màu sơn xám, biên kiểm soát 68C1 – 090.19 cho chủ sở hữu Nguyễn Ánh Ngọc là đúng theo quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong mẫu vật có ký hiệu vụ số 252/2023, có chữ ký của giám định viên Thái Thị Thanh Thủy, người chứng kiến niêm phong Nguyễn Giang Trường và hình dấu tròn của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang.

- Tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số imel: 353503755643281, đã qua sử dụng.

Theo Quyết định chuyển vật chứng số 110/QĐ-VKSRG ngày 14/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[9] Về các vấn đề khác của vụ án: Đối với người tên **Hồng** đã có hành vi bán ma túy cho **Trần Da D** hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Trần Da D** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Da D** mức án 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 10/3/2023 đến ngày 01/6/2023.

2. Về xử lý vật chứng, áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên xử:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong mẫu vật có ký hiệu vụ số 252/2023, có chữ ký của giám định viên Thái Thị Thanh Thủy, người chứng kiến niêm phong Nguyễn Giang Trường và hình dấu tròn của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang.

- Tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số imel: 353503755643281, đã qua sử dụng.

Theo Quyết định chuyển vật chứng số 110/QĐ-VKSRG ngày 14/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 27/3/2024).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan THA Tp.R;
- Công an thành phố R;
- Bị cáo, người TGTT;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Văn Thập